

CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUY ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG HUY ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUY ANH CONSTRUCTION MATERIALS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109894098

3. Ngày thành lập: 20/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9, ngõ 61/21/4 đường Phạm Tuấn Tài, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984811446

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
8.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
9.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
10.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
11.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
13.	Cho thuê xe có động cơ	7710
14.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm, trừ hoạt động đấu giá)	4690
15.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
16.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
17.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

18.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
19.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
20.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
21.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
22.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
23.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
24.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
25.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
26.	Đúc sắt, thép	2431
27.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
28.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
29.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
30.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
31.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
32.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)	4933
34.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
35.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
37.	Bốc xếp hàng hóa	5224
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5225
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
40.	Bưu chính Chi tiết: Dịch vụ bưu chính trong nước	5310
41.	Chuyển phát	5320
42.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
43.	Xây dựng nhà để ở	4101
44.	Xây dựng nhà không để ở	4102
45.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình điện	4221
48.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

50.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51.	Xây dựng công trình thủy	4291
52.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
53.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LƯƠNG VĂN GIANG	Việt Nam	2812 – CT12C khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	024086000120	
2	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	Việt Nam	2812 – CT12C khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	017186000231	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯƠNG VĂN GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024086000120

Ngày cấp: 25/02/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 2812 – CT12C khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 2812 – CT12C khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội